

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Nông nghiệp và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC), được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC;

Căn cứ Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 54/TTr-STP ngày 06/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp căn cứ Danh mục TTHC được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết TTHC để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh niêm yết, công khai thực hiện.

2. Rà soát quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để tham mưu quy trình mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực theo ngày văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành.

Nội dung công bố Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh (đ/c Hà);
- PCVP UBND tỉnh (đ/c Hùng);
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- UBND các xã, phường, thị trấn
(Giao UBND cấp huyện gửi);
- Viễn thông Đắk Lắk; Bưu điện tỉnh;
- Các Phòng, TT: NC, PVHCC, PVHCC, CN&CTTĐT;
- Lưu: VT, NVKS (B_03b).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên TTHC (Mã thủ tục)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (1.011441)	- Trong ngày. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo; - Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; - Văn phòng đăng ký đất đai - <i>Sở Nông nghiệp và Môi trường</i> , Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã.	80.000 đồng/ hồ sơ	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ</i> ; - Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh.
2	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (1.011442)	- Trường hợp nộp hồ sơ tại UBND cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, thì thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký được tính từ ngày Văn phòng đăng ký đất đai nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ. * Thời gian không tính vào thời hạn giải quyết: Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.		60.000 đồng/ hồ sơ	
3	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (1.011443)			20.000 đồng/ hồ sơ	

STT	Tên TTHC (Mã thủ tục)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (1.011444)	- Trong ngày. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo; - Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; - Văn phòng đăng ký đất đai - <i>Sở Nông nghiệp và Môi trường</i>, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC của UBND cấp xã.	70.000 đồng/ hồ sơ	- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ;
5	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất (1.011445)	- Trường hợp nộp hồ sơ tại UBND cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, thì thời hạn giải quyết hồ sơ đăng ký được tính từ ngày Văn phòng đăng ký đất đai nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ. * Thời gian không tính vào thời hạn giải quyết: Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.		Không	- Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh.

Ghi chú:

- Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

- Các TTHC nêu trên được miễn phí theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh. Cụ thể: Miễn phí đối với các trường hợp cá nhân, hộ gia đình khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh thì không phải nộp lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định

số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của đăng ký viên; Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.